

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **113/2023/DS-ST**
Ngày: 14/8/2023
V/v T/C Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu.
2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2023, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 388/2023/TLST-DS ngày 01/6/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXXST-DS ngày 07/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ.** Địa chỉ: Số A đường T, P L. Q H, TP Hà Nội. Địa chỉ: Số A đường T, P L. Q H, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đ. Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia toàn bộ quá trình tố tụng: Ngân hàng Đ-Chi nhánh H. Do ông Nguyễn Quốc K, chức vụ Giám đốc - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H là đại diện theo Quyết định Ủy quyền 360/QĐ-BIDV ngày 20/10/2021 của Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ về việc Ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự. Đại diện tham gia tố tụng: Ông Lê Tứ P, sinh năm 1964; Địa chỉ liên lạc: Số A N, phường A, TP .C, tỉnh Hậu Giang (ông P có mặt).

- Bị đơn: Ông **Dương Thanh Hoàng T1**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, phía Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ông Dương Thanh Hoàng T1 có ký kết 01 Hợp đồng tín dụng số 0624/11/HĐ ngày 19/08/2011 với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H1. Số tiền cho vay: 30.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất: 15%; Trả nợ gốc: Mỗi tháng trả 500.000 đồng; Trả nợ lãi vào ngày 28 hàng tháng; Số tiền đã trả lãi trong hạn: 0 đồng. Tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/8/2023 là 20.731.658 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 0 đồng; Nợ lãi trong hạn: 17.668.790 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.062.868 đồng. Hiện tại khoản vay tín chấp (vay tiêu dùng cá nhân) của ông Dương Thanh Hoàng T1 đã bị quá hạn. Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H đã nhiều lần đôn đốc ông Dương Thanh Hoàng T1 trả nợ và thông báo về khoản nợ đến hạn, quá hạn nhưng ông T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Dương Thanh Hoàng T1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi tính đến ngày 14/8/2023 là 20.731.658 đồng. Số nợ này không còn phát sinh lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Đối với bị đơn ông Dương Thanh Hoàng T1: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông T1 không tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Thanh Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Dương Thanh Hoàng T1 có vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh H theo Hợp đồng tín dụng số 0624/11/HĐ ngày 19/08/2011. Quá trình thực hiện, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ khi chỉ trả vốn mà chưa trả lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 14/8/2023, ông T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi là 20.731.658 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Dương Thanh Hoàng T1 được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, ông T1 là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa Ngân hàng và ông T1 là hợp pháp. Nay ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ. Hơn nữa, ông T1 không có ý kiến phản đối những yêu cầu trên của Ngân hàng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông Dương Thanh Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi vay của Hợp đồng tín dụng số 0624/11/HĐ ngày 19/08/2011, tính đến ngày 14/8/2023 là 20.731.658 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP Đ là ông Lê Tứ P cho rằng số nợ lãi 20.731.658 đồng nêu trên của ông T1 không phát sinh thêm sau ngày 15/8/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0624/11/HĐ ngày 19/08/2011 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Dương Thanh Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 20.731.658 đồng x 5% = 1.036.582 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Dương Thanh Hoàng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi vay đối với Hợp đồng tín dụng số 0624/11/HĐ ngày 19/08/2011, tính đến ngày 14/8/2023 là 20.731.658 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Dương Thanh Hoàng T1 còn phải có trách nhiệm trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Dương Thanh Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.036.582 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 520.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007171 ngày 18/5/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

